

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/4/2024

V/v: “Tranh chấp
hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt D

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thu H

Ông Nguyễn Việt T

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu H – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2023/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến D - sinh năm 1987

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1989

Đều trú tại: Khu D, xã M, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

(Anh D và chị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 12 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Tiến D là nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2014 tại UBND xã Đ cũ nay là xã M, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không có con chung dẫn đến bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng đã ly thân năm 2016 cho

đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh và chị H không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Anh Nguyễn Tiến D xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2024, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị thừa nhận lời trình bày của anh D về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay anh D xin ly hôn chị, chị cũng nhất trí ly hôn vì tình cảm giữa chị và anh D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Tiến D không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết..

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Tranh chấp giữa anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị H là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Bị đơn là chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại Khu D, xã M, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị H được tự do tìm hiểu và kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Tiến D: Anh D và chị H trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không có con chung nên dẫn đến áp lực, không cùng quan điểm sống. Anh D và chị H đã không chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa nên anh D xin ly hôn với chị H. Chị H cũng xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn như anh D trình bày. Trên thực tế cuộc sống hôn nhân giữa anh D và chị H không còn tồn tại. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa anh D và chị H không đạt được, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Anh D xin ly hôn thì chị H cũng nhất trí ly hôn nhưng chị H do ở xa nên không về tham gia xét xử nên chị xin xét xử vắng mặt được do vậy cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh D và chị H là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị H đều xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị H đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 1/2 án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Xử:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xứ Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị H.

[2]. Về con chung: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung; nợ chung và công sức đóng góp: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị H đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Tiến D đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004765 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho anh D 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí.

[5]. Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Cẩm Khê;
- UBND xã M;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Việt D

